

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/12/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Bà Trương Thị Hồng Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025 và Quyết định Hoàn phiên tòa số: 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N; Sinh năm: 1991

HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn N, xã K, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038191007436

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn C; Sinh năm: 1983

HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn N, xã K, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038083018705

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (Nay là xã K) vào ngày 27/10/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ và đã nhiều lần dẫn đến đánh đập, cuộc sống không hạnh phúc. Vì con, chị đã cố gắng chịu đựng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng khiến chị cảm thấy vô cùng mệt mỏi và chán nản. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Bảo L1, sinh ngày 21/6/2010; Hoàng Bảo L2, sinh ngày 14/04/2015 và Hoàng Bảo V, sinh ngày 04/11/2019. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Hoàng Bảo L1 và Hoàng Bảo V, giao cháu Hoàng Bảo L2 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, anh Hoàng Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N kết có đăng ký kết hôn như chị N trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận bình thường không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Trong cuộc sống, vợ chồng đôi lúc có bất đồng nhưng cũng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức phải ly hôn. Nay chị N làm đơn ly hôn với anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn với chị N mà mong muốn vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị N trình bày. Nếu chị N nhất quyết yêu cầu ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp được nuôi dưỡng cả 3 con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn C; Về con chung: Giao cháu Hoàng Bảo L1, sinh ngày 21/6/2010 và Hoàng Bảo V, sinh ngày 04/11/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Bảo L2, sinh ngày 14/04/2015, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn với anh Hoàng Văn C, anh C cư trú tại xã K, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7- Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh C vắng mặt

nên Tòa án đã mở phiên họp vắng mặt anh C và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh C theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[4]. Chị N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[5]. Tại phiên tòa, chị N vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị N và anh C.

[6]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (Nay là xã K) ngày 27/10/2009 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận đến khoảng năm 2017 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên hay xảy ra bất đồng, cuộc sống không hạnh phúc. Việc này đã được các cấp chính quyền xã K xác nhận, đồng thời cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn C.

[7]. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung. Hiện nay cháu Hoàng Bảo L1 và cháu Hoàng Bảo V đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Hoàng Bảo L2 đang do anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Bản thân cháu L1 có nguyện vọng được ở với mẹ, còn cháu L2 có nguyện vọng được ở với bố. Cháu V chưa đến tuổi lấy nguyện vọng nhưng xét hoàn cảnh hiện tại cháu còn nhỏ, cũng đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của chị N.

[8]. Về tài sản: Chị N và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[9]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Bảo L1, sinh ngày 21/6/2010 và Hoàng Bảo V, sinh ngày 04/11/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Bảo L2, sinh ngày 14/04/2015, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị N, anh C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - Thanh Hóa, theo biên lai số BLTU/25E/0001428 ngày 13/10/2025. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn C. Chị N và anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc